

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày 12 - 11- 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Minh Nguyệt.

2/ Ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/HSST- QĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 07/10/1975 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Tổ dân phố c, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết).

Bị cáo có vợ là Trịnh Thị Tô N, sinh năm 1976. Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: có một tiền án, ngày 08/3/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội Đánh bạc tại bản án hình sự phúc thẩm số 104/2019/HSPT, chưa chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T1, sinh ngày 10/10/1975 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: Tổ dân phố c, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: thợ sửa khóa; trình độ văn hoá (học vấn) 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết).

Bị cáo vợ tên là Vũ Thị L, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 người con. Con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức L, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1978 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Đức L1 và bà Nguyễn Thị Th

Bị cáo có vợ: Vũ Thị Thanh G, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: có 01 tiền án, ngày 01/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST, chưa chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/8/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải (bản án số 25 ngày 05/8/1998), đã được xóa án tích.

Ngày 13/01/2006 bị Công an huyện Krông Ana xử phạt hành chính về hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Thanh T2, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2001 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn B, huyện K, Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Thanh Th và bà Nguyễn Thị H.

Bị cáo đang sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 2001, có một con sinh năm 2019.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thành L1, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1987 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bích H1.

Bị cáo có vợ Trần Thị Phương T, sinh năm 1992, có ba người con, con lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: ngày 01/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Đánh bạc tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Phan Hùng V, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1963 tại Quảng Nam.

Nơi cư trú: số nhà x đường F, tổ dân phố C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12;

Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Hùng C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết).

Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, có ba người con, con lớn nhất sinh năm 1986 (đã chết) và con nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/4/2019 có hành vi đánh bạc bị cáo đã Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Đắk Nông khởi tố bị can về tội đánh bạc.

Ngày 07/7/2020 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “Đánh bạc”.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Phương L2, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1988 tại Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện T, TP. Hà Nội.

Nghề nghiệp: Kinh Doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12;

Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H.

Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, có hai con lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Đình L3, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1991 tại Nam Định.

Nơi cư trú: B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Phạm Đình T và bà Vũ Thị T
Bị cáo có vợ Huỳnh Phan Thị Lệ Q, sinh năm 1989, có hai con lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Đỗ Hồng Q, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1997 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: thôn Q, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12;

Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đỗ Mạnh Q và bà H'N

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 tại huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: buôn C, xã Br, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Hà Thị L, sinh năm 1940

Bị cáo có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1978, có 01 con sinh năm 1997.

Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Văn C, sinh ngày 06/01/1988 tại Hà Nội

Nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12;

Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M

Bị cáo có vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Việt S, chị Lê Thị Thanh Th (có mặt).

Trú tại : thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Người làm chứng:

+ Anh Trịnh Vũ B

Trú tại: thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Đ

Trú tại : thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Viết T

Trú tại : thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Anh Đinh Quang T

Trú tại: Thôn ..., xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

+ Anh Đỗ Ngọc Anh Sơn

Trú tại: Hẻm ..., phường Ea, thành phố B, Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào chiều ngày 14/6/2020, tại nhà của anh Nguyễn Viết T3 ở thôn thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tổ chức tiệc mừng trước ngày cưới của anh T. Tại buổi tiệc Nguyễn Viết T3 có mời Nguyễn Hữu T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn N, Phan Hùng V, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Phương L2, Nguyễn Văn C, Phạm Đình L3, Phạm Thanh T, Nguyễn Đức L, Đỗ Hồng Q và nhiều người khác đến tham dự. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi dự tiệc xong, do trời mưa, không về được nên T, T1, N và V cùng rủ nhau đến nhà vợ chồng anh Nguyễn Viết S (anh của T3) cạnh nơi tổ chức tiệc cưới để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Sau đó, T, T1, N và V đi bộ đến nhà anh S, thấy cửa mở, không thấy ai trong nhà (do vợ chồng anh S ở bên nhà đám cưới). N vào lấy 02 lá bài trong bộ bài tú lơ khơ trên bàn ở phòng khách đưa cho T1 cắt 4 con vị rồi N xuống bếp lấy một cái chén bằng sứ màu trắng và T1 lấy một cái đĩa sứ màu trắng đặt trên chiếc chiếu đã trải sẵn trên nền nhà phòng bếp để đánh bạc, tham gia đánh bạc gồm T1, V, N, L1, L, C, L3, Q và Nguyễn Phương L2. T vừa xóc cái, vừa đặt cược tiền còn Phạm Thanh T2 vào nếu con bạc nào đánh hết tiền thì T cho vay để đánh. L đã vay của T 5.000.000 đồng, L3 vay 10.000.000 đồng, Q vay 5.000.000 đồng, T1 vay 5.000.000 đồng. Khi đặt cược, người chơi đặt từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho mỗi ván, trên chiếu bạc mỗi ván khoảng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. T đánh thua hết tiền đưa cho Nguyễn Thành L1 làm cái. Đến 21 giờ 15 phút cùng ngày, bị Công an huyện K bắt quả tang, thu giữ tiền trên chiếu bạc là 23.500.000 đồng cùng tang vật 01 cái đĩa, 01 cái bát, 4 con vị và 1 cái chiếu.

Hình thức đánh bạc (xóc đĩa) như sau: Những người tham gia chơi đánh bạc sẽ có một người đứng ra làm cái, những người còn lại đóng vai trò là người đặt cược, đầu tiên người xóc sẽ bỏ 4 con vị vào đĩa và đập chén lại, sau đó lắc đều mấy cái và đặt xuống, người chơi bắt đầu đặt vào cửa chắn và cửa lẻ, quy ước bên tay phải của người làm cái là cửa chắn, bên tay trái của người làm cái là cửa lẻ. Sau đó, người xóc cái sẽ mở chén để tính thắng thua và chung tiền theo tỉ lệ 1-1. Nếu người chơi đặt ở cửa chắn và kết quả ra chắn thì người chơi thắng, nếu người chơi đặt ở cửa chắn và kết quả ra là lẻ thì người chơi thua và ngược lại. Kết quả là chắn khi 4 con vị xuất hiện trong các trường hợp sau: 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen hoặc 02 mặt đen - 02 mặt trắng; kết quả là lẻ khi 04 con vị xuất hiện trong các trường hợp sau: 01 mặt trắng-03 mặt đen hoặc 03 mặt trắng-01 mặt đen.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ trên chiếu bạc:
 - + 01 chén sứ hình tròn, màu trắng, có hoa văn, hoạ tiết quanh vùng chén.
 - + 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, có hoạ tiết, hoa văn hai bên.
 - + 04 con vị hình tròn được cắt từ bộ bài 52 lá.
 - + 01 chiếc chiếu nhựa kích thước (305x167) cm, màu xanh lá cây có viền màu vàng.
 - + 01 cái kéo lưỡi kim loại, cán nhựa màu đen, dài 21,5cm.
 - + Số tiền 23.500.000 đồng trên chiếu bạc, số tiền 10.000.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Phương L2 sử dụng để đánh bạc và số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thành L1 đánh bạc thắng mà có. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 38.500.000 đồng.

- Thu giữ trên người các bị cáo: Số tiền 400.000 đồng của bị cáo Phạm Thanh T3 là số tiền thu lợi bất chính từ việc cho bị cáo Đỗ Hồng Q và Lê Văn T1 vay để đánh bạc; Số tiền 190.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu T; số tiền 7.500.000 đồng của bị cáo Lê Văn T1; số tiền 230.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn C; số tiền 775.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn N; số tiền 547.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thành L1; số tiền 4.349.000 đồng của bị cáo Phan Hùng V; số tiền 6.193.000 đồng của bị cáo Phạm Thanh T3, là số tiền các bị cáo mang theo, không sử dụng để đánh bạc.

Cáo trạng số 27/KSĐT-HS ngày 21/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lê Văn T1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành L1, Phạm Thanh T3, Phan Hùng V, Nguyễn Phương L2, Phạm Đình L3, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Hữu T1 khai bị cáo đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng, T mang theo số tiền 1.190.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt cược tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng thì thua hết tiền, sau đó bị cáo đứng xem, khi bị bắt thu giữ trên người T 190.000 đồng, số tiền này T không dùng để đánh bạc.

- Lê Văn T1 khai: Nội dung cáo trạng là đúng, khi tham gia đánh bạc, T mang theo 8.000.000 đồng, lấy ra 500.000đ đánh bạc, thì bị thua nên T vay của Phạm Thanh T3 5.000.000 đồng để đánh bạc, T3 đưa cho T1 4.800.000 đồng, thu trước 200.000 đồng tiền lãi, khi bị bắt T1 thua 4.800.000 đồng, tổng số tiền T1 dùng đánh bạc là 5.300.000đ, khi bị bắt Công an thu giữ trên người bị cáo 7.500.000 đồng không phải tiền sử dụng để đánh bạc.

- Phan Hùng V khai: Nội dung cáo trạng là đúng, bị cáo mang theo số tiền 5.049.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, khi bị Công an huyện K bắt thu giữ trong người V 4.349.000 đồng số tiền này bị cáo không sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Văn N khai: Khi tham gia đánh bạc, N mang theo 1.275.000 đồng, chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc khi bị bắt thu giữ trong người N 775.000 đồng không phải tiền sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Thành L1 khai: bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng, khi tham gia đánh bạc, L1 mang theo 1.247.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, quá trình

đánh bạc, L1 thắng bạc được 7.000.000 đồng, L1 cất 5.000.000 đồng trong người và tiếp tục sử dụng 2.700.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền trên khi bị bắt thu giữ trong người L1 5.547.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng là tiền đánh bạc thắng mà có, còn 547.000 đồng không phải tiền sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Phương L2: Nội dung cáo trạng là đúng, khi tham gia đánh bạc, L2 mang theo 10.000.000 đồng để đánh bạc, L2 chơi 03 ván, ván đầu đặt 500.000 đồng thì bị thua, hai ván sau L2 đặt mỗi ván 5.000.000 đồng thì đều thắng, L2 cất 10.000.000 đồng trong người, tiếp tục sử dụng 9.500.000 đồng ăn được để đánh bạc khi bị bắt L2 bỏ 9.500.000 đồng xuống chiếu bạc và bị thu giữ trong người số tiền 10.000.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Văn C khai: Khi đánh bạc, C mang theo 730.000 đồng đang đặt cược 500.000 đồng trên chiếu bạc thì bị thua, giữ trong người 230.000 đồng không phải tiền sử dụng để đánh bạc.

- Phạm Đình L3 khai: Khi tham gia đánh bạc, do L3 không mang theo tiền nên đã vay của Phạm Thanh T3 10.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt L3 bị thua hết.

- Nguyễn Đức L khai: Khi tham gia đánh bạc, L không mang theo tiền nên đã vay của Phạm Thanh T3 5.000.000 đồng để đánh bạc, L đặt cược ba ván, mỗi ván đặt 500.000 đồng thì đều thua khi bị bắt trên tay cầm 3.500.000 đồng. L vớt lại trên chiếu bạc.

- Đỗ Hồng Q khai: Khi tham gia đánh bạc, Q không mang tiền nên vay của Phạm Thanh T3 5.000.000 đồng để đánh bạc, T3 đưa cho Q 4.800.000 đồng, thu trước 200.000 tiền lãi. Khi bị bắt Q thua hết số tiền trên.

- Phạm Thanh T2 khai: Trước khi đi dự tiệc tại nhà Nguyễn Viết T3. T2 mang theo 6.193.000 đồng để chi tiêu cá nhân, dự tiệc xong thấy có nhiều người đang đánh bạc tại nhà anh Nguyễn Viết S nên T2 nảy sinh ý định mượn tiền để cho các con bạc vay lấy lãi, T2 biết Nguyễn Viết T3 có tiền mới bán khoai lang đã hỏi mượn 25.000.000 đồng, có tiền T2 qua nhà anh S cho Q vay 5.000.000 đồng, lấy lãi 200.000 đồng, cho L3 vay 10.000.000 đồng và cho L vay 5.000.000 đồng không tính lãi, cho T1 vay 5.000.000 đồng lấy lãi 200.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 400.000 đồng là tiền lãi thu được từ việc cho các con bạc vay tiền và 6.193.000 đồng không phải tiền sử dụng để đánh bạc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu quan điểm giữ nguyên nội dung Cáo trạng, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lê Văn T1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành L1, Phạm Thanh T2, Phan Hùng V, Nguyễn Phương L2, Phạm Đình L3, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: Điều 55, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm 09 tháng tù của bản án số 104/2019/HSPT ngày 08/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/12/2017 đến ngày 01/01/2018 và từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án số 15/2020/HS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức L 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: Điều 55, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 01 năm tù của bản án 29/2018/HSST ngày 01/11/2018 của TAND huyện Krông Ana. Tổng hợp với hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành L1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến 23/6/2020.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Hùng V từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt, tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến 23/6/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 51, của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Phương L2, Phạm Đình L3, Phạm Thanh T2, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C từ 09 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 04 con vị hình tròn được cắt từ bộ bài 52 lá.

Trả lại cho anh Sơn, chị Thủy:

+ 01 chén sứ hình tròn, màu trắng, có hoa văn, họa tiết quanh vùng chén
+ 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, có họa tiết, hoa văn hai bên.
+ 01 chiếc chiếu nhựa kích thước (305x167) cm, màu xanh lá cây có viền màu vàng.

+ 01 cái kéo lưỡi kim loại, cán nhựa màu đen, dài 21,5cm.

Đối với số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 38.500.000 đồng. Trong đó số tiền 23.500.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Phương L2 chứng minh được sử dụng để đánh bạc và số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh L1 đánh bạc thắng mà có, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Thanh T2 là số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi cho các con bạc vay tiền), cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền thu giữ trên người các bị cáo: 190.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu T; số tiền 7.500.000 đồng của bị cáo Lê Văn T1; số tiền 230.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn C; số tiền 775.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn N; số tiền 547.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thành L1; số tiền 4.349.000 đồng của bị cáo Phan Hùng V; số tiền 6.193.000 đồng của bị cáo Phạm Thanh T2, là số tiền các bị cáo mang theo, không sử dụng để đánh bạc, đề nghị trả lại cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Ana, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét sự vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, khoảng 21 giờ 15 phút ngày 14/6/2020, tại nhà của anh Nguyễn Viết S tại thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Hữu T, Lê Văn T1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành L1, Phan Hùng V, Nguyễn Phương L2, Phạm Đình L3, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana phát hiện, bắt quả tang. Số tiền chứng minh được các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 38.500.000đ, trong đó thu giữ số tiền trên chiếu bạc là: 23.500.000 đồng, thu giữ trên người các bị cáo Nguyễn Phương L2 số tiền 10.000.000đ chứng minh được bị cáo dùng để đánh bạc, số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành L1 là tiền bị cáo đánh bạc thắng mà có. Bị cáo Phạm Thanh T2 tham gia vụ án cho các con bạc vay số tiền 25.000.000đ để đánh bạc, lấy lãi 400.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự trị an xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức, buộc phải biết việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài từ việc đánh bạc nên đã phạm tội với lỗi cố ý, phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra.

Xét hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ Luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò người thực hành và người giúp sức cần phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các tình tiết nhân thân của từng bị cáo làm căn cứ để quyết định hình phạt.

[5.1] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, tham gia vụ án với vai trò người thực hành, bị cáo cùng với Lê Văn T1, Phan Hùng V và Nguyễn Văn N khởi xướng, rủ nhau tham gia đánh xóc đĩa ăn tiền, thời điểm mới đánh bị cáo làm cái và dùng số tiền vào việc đánh bạc là 1.000.000đ. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của bản án cho hưởng án treo, căn cứ vào khoản 5 Điều 65 của BLHS, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm 09 tháng tù của bản án số 104/2019/HSPT ngày 08/3/2020 của TAND tỉnh Đắk Lắk, tổng hợp với hình phạt của bản án mới là phù hợp quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 BLHS và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt.

Khi chấp hành án, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ 23/12/2017 đến ngày 01/01/2018 và từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

[5.2] Bị cáo Lê Văn T1 tham gia vụ án với vai trò thực hành, cùng với Nguyễn Hữu T, Phan Hùng V và Nguyễn Văn N khởi xướng việc đánh xóc đĩa ăn tiền. Bị cáo đã dùng số tiền 5.300.000đ để tham gia đánh bạc. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian đang bị Tòa án đưa ra xét xử về tội đánh bạc, cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngày 22/6/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc tại bản án số 15/2020/HSST, bản án đã có hiệu lực pháp luật, căn cứ Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5.3] Đối với bị cáo Nguyễn Đức L, tham gia vụ án với vai trò người thực hành, bị cáo dùng số tiền 5.000.000đ để đánh bạc, bị cáo có một tiền án về tội đánh bạc lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”

quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 BLHS và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt.

Do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của bản án đã cho hưởng án treo. Căn cứ khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm tù tại bản án số 29/2018/HSST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana. Tổng hợp với hình phạt với bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Được trừ thời gian tạm giữ từ 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018 và từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

[5.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thành L1 tham gia vụ án với vai trò người thực hành, khi tham gia đánh bạc, bị cáo bỏ ra số tiền 700.000đ, khi đánh bị cáo đang thắng 7.000.000đ, bản thân bị cáo có một tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học để tự cải tạo mình trở thành công dân tốt, lại phạm tội mới, thể hiện bị cáo có ý thức coi thường pháp luật. Cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự.

Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

[5.5] Đối với bị cáo Phan Hùng V tham gia vụ án với vai trò là người thực hành. Quá trình tham gia đánh bạc, bị cáo đã bỏ ra số tiền 700.000đ để cá cược. Trước đó bị cáo đã Cơ quan CSĐT Công an huyện Kr, tỉnh Đắk Nông khởi tố vụ án, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kr truy tố về tội “đánh bạc”, nhưng không biết tự cải tạo, tu dưỡng rèn luyện mình trở thành công dân tốt, cần áp dụng hình phạt nghiêm cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

[5.6] Đối với các bị cáo Phạm Đình L3, Nguyễn Phương L2, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C tham gia vụ án với vai trò là người thực hành, bị cáo L2 dùng số tiền 10.000.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo L3 dùng 10.000.000đ để đánh bạc, bị cáo Q dùng 4.800.000đ để đánh bạc, bị cáo N dùng 700.000đ đánh bạc, bị cáo C dùng 500.000đ để đánh bạc. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, cùng với sự phối hợp của gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ cần áp dụng

hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, các bị cáo có thu nhập trung bình hàng tháng là 3.000.000đ đến 7.000.000đ. Trong thời gian cải tạo, hàng tháng cần khấu trừ thu nhập đối với mỗi bị cáo với mức 10% nộp vào ngân sách nhà nước.

[5.7] Đối với bị cáo Phạm Thanh T2 tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức, tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác vay tiền để tham gia đánh bạc, T2 đã cho bị cáo Đỗ Hồng Q vay 5.000.000đ, lấy lãi 200.000đ, cho Phạm Đình L3 vay 10.000.000đ, cho Nguyễn Đức L vay 5.000.000đ và cho Lê Văn T1 vay 5.000.000đ, lấy lãi 200.000đ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Bị cáo có mức thu nhập trung bình 3.000.000đ/tháng, trong thời gian cải tạo khấu trừ thu nhập của bị cáo 10% bằng 300.000đ/tháng.

[5.8] Căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS xử phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành L1, Lê Văn T1, Phan Hùng V.

Đối với các bị cáo Nguyễn Phương L2, Lê Đình L3, Phạm Thanh T2, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C phải khấu trừ thu nhập hàng tháng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đối với anh Nguyễn Viết S là chủ nhà mà các bị cáo đã sử dụng làm nơi đánh bạc nhưng do các bị cáo tự ý mở cửa và vào phòng khách để đánh bạc anh S không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 chén sứ hình tròn, màu trắng, có hoa văn, họa tiết quanh vùng chén; 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, có họa tiết, hoa văn hai bên; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước (305x167) cm, màu xanh lá cây có viền màu vàng; 01 cái kéo lưỡi kim loại, cán nhựa màu đen, dài 21,5cm. Đây là các tài sản do các bị cáo tự lấy của gia đình anh Nguyễn Viết S, tại phiên tòa anh S không yêu cầu nhận lại các tài sản là vật chứng nói trên, xét các vật chứng cũng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

+ 04 con vị hình tròn được cắt từ bộ bài 52 lá, bán kính (0,02x0,02) cm, cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 38.500.000đ là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, cần tịch thu, sung quỹ nhà nước là phù hợp.

- Tịch thu số tiền 400.000 đồng của bị cáo Phạm Thanh T2 là số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền đánh bạc.

- Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Hữu T 190.000đ, Lê Văn T1 7.500.000đ, Nguyễn Thành L1 547.000đ, Phan Hùng V 4.349.000đ, Nguyễn Văn N 775.000đ,

Nguyễn Văn C 230.000đ, Phạm Thanh T2 6.193.000đ là tiền các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc, nhưng tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lê Văn T1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành L1, Phan Hùng V, Nguyễn Phương L2, Phạm Đình L3, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C và Phạm Thanh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu T 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HS-PT ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/12/2017 đến ngày 01/01/2018 và từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn T1 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của bản án số 15/2020/HSST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/6/2020.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 01 (Một) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-PT ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018 và từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020;

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Hùng V 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung đối với các bị cáo: Nguyễn Hữu T 5.000.000đ (Năm triệu đồng), Lê Văn T1 5.000.000đ (Năm triệu đồng), Nguyễn Thành L1 5.000.000đ (Năm triệu đồng), Nguyễn Đức L 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và Phan Hùng V 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Phương L1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 là 09 (chín) ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã ..., huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

Trong thời gian cải tạo, hàng tháng khấu trừ thu nhập của bị cáo số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình L3 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 là 09 (chín) ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

Trong thời gian cải tạo, hàng tháng khấu trừ thu nhập của bị cáo số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam thời, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 là 09 (chín) ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam

giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn B, huyện K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

Trong thời gian cải tạo, hàng tháng khấu trừ thu nhập của bị cáo số tiền 400.000đ nộp Ngân sách nhà nước.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, Điều 36 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Hồng Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 là 09 (chín) ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

Trong thời gian cải tạo, hàng tháng khấu trừ thu nhập của bị cáo số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, Điều 36 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 là 09 (chín) ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

Trong thời gian cải tạo, hàng tháng khấu trừ thu nhập của bị cáo số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/6/2020 đến ngày 23/6/2020 là 09 (chín) ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo.

Trong thời gian cải tạo, hàng tháng khấu trừ thu nhập của bị cáo số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc 38.500.000 đồng và số tiền 400.000đ của bị cáo Phạm Thanh T2 là tiền thu lợi bất chính.

- Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Hữu T 190.000đ, Lê Văn T1 7.500.000đ, Nguyễn Thành L1 547.000đ, Phan Hùng V 4.349.000đ, Nguyễn Văn N 775.000đ, Nguyễn Văn C 230.000đ, Phạm Thanh T2 6.193.000đ là tiền các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc, nhưng tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án (số tiền nói trên đã nộp tại biên lai số 1434 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K);

- Tịch thu, tiêu hủy:

- + 01 chén sứ hình tròn, màu trắng, có hoa văn, họa tiết quanh vùng chén.
- + 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, có họa tiết, hoa văn hai bên.
- + 04 con vị hình tròn được cắt từ bộ bài 52 lá.
- + 01 chiếc chiếu nhựa kích thước (305x167) cm, màu xanh lá cây có viền màu vàng.
- + 01 cái kéo lưỡi kim loại, cán nhựa màu đen, dài 21,5cm.

Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2020 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T, Lê Văn T1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành L1, Phan Hùng V, Nguyễn Phương L2, Phạm Đình L3, Đỗ Hồng Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C và Phạm Thanh T2 mỗi người phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; TANDTC;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; tỉnh;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

